TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15A/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Quỳnh A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn X, phường T, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Đỗ Minh L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị A vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2025, bản tự khai, lời khai của chị Phạm Thị Quỳnh A lưu trong hồ sơ vụ án với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Quỳnh A và anh Đỗ Minh L lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã B, tỉnh Ninh Bình) ngày 04 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng được khoảng hơn một

tháng. Sau khi sinh con đầu lòng, vợ chồng bàn bạc về xã Ph, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên) thuê nhà ở để chị A tiếp tục đi làm kế toán. Anh L đi làm xa nhà cứ khoảng 01 đến 02 tháng lại về thăm vợ con một lần. Cuối năm 2018, chị A sinh con thứ 2 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng do bất đồng quan điểm trong việc tập trung kinh tế của gia đình, chị A sinh con không có tiền nhưng anh L cũng không đưa chị nên vợ chồng cãi nhau. Từ đó anh L không quan tâm gì đến vợ con. Bố đẻ chị A mắc bệnh ung thư phải đi viện rồi chết, anh L và gia đình chồng không thăm hỏi. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A xác định, tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh L, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là cháu Đỗ Trung H, sinh ngày 24/12/2012 và cháu Đỗ Quỳnh C, sinh ngày 23/12/2018. Hiện nay cả hai cháu đang do chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A đề nghị xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu C, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 31/12/2025, ông Đỗ Văn T (bố đẻ anh L) trình bày: Anh L là con trai ông, chị A và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau đến năm 2021 thì mâu thuẫn do chị A có quan hệ ngoại tình, vợ chồng đã cãi chửi nhau rất nhiều. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị A không đưa con về quê nội và không thăm hỏi gì đến gia đình chồng. Chị A và anh L có 2 con chung là cháu Hiếu và cháu C, các cháu đang ở cùng chị A. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2026, cháu Đỗ Trung H và Đỗ Quỳnh C đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở cùng với mẹ là Phạm Thị Quỳnh A.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hòa giải được vì anh L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Đỗ Minh L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định

của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Quỳnh A và anh Đỗ Minh L là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị A và anh L có 02 con chung là cháu Đỗ Trung H, sinh ngày 24/12/2012 và cháu Đỗ Quỳnh C, sinh ngày 23/12/2018. Hiện nay cả 2 cháu đang ở cùng chị A, các cháu khỏe mạnh, sinh sống và học tập ổn định, chị A xin được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Quỳnh A và anh Đỗ Minh L, giao cháu H và cháu C cho chị Phạm Thị Quỳnh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các vấn đề khác chị Anh không yêu cầu nên không phải giải quyết. Chị A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Quỳnh A và anh Đỗ Minh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Quỳnh A có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Minh L đã được Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Quỳnh A và anh Đỗ Minh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên lục đục cãi chửi nhau. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết ly hôn giữa chị A và anh L là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là cháu cháu Đỗ Trung H, sinh ngày 24/12/2012 và cháu Đỗ Quỳnh C, sinh ngày 23/12/2018. Chị

Anh đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị A là chính đáng. Từ khi được sinh ra đến nay, cháu Đỗ Trung H và cháu Đỗ Quỳnh C đều do chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; các cháu có cuộc sống ổn định, khỏe mạnh, phát triển tốt; cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ. Vì vậy, nguyện vọng của chị A được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy, cần giao cháu Đỗ Trung H và cháu Đỗ Quỳnh C cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H, cháu C đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Quỳnh A và anh Đỗ Minh L.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trung H, sinh ngày 24/12/2012 và cháu Đỗ Quỳnh C, sinh ngày 23/12/2018 cho chị Phạm Thị Quỳnh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H, cháu C đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị Quỳnh A.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Quỳnh A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp

300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001398 ngày 08 tháng 10 năm 2025 được đối trừ khi thi hành án. Chị Phạm Thị Quỳnh A đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình
- UBND xã B Lý;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hân